TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 10 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 49/2025/HS-ST
Ngày 07 - 8 - 2025.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 10 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Trọng Trúc.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Đặng Thị Huê.

2. Bà Nguyễn Thị Kính.

- Thư ký phiên tòa*:* Ông Trịnh Sơn Tùng – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 10 - Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10 - Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa*:* Ông Phan Xuân Hiền - Kiểm sát viên.

Trong ngày 31 tháng 7 năm 2025 và ngày 07 tháng 8 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 10 - Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 148/2025/TLST-HS ngày 23 tháng 6 năm 2025, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 53/2025/QĐXXST-HS ngày 16 tháng 7 năm 2025, đối với bị cáo:

Lê Thị Bạch L; sinh ngày 27 tháng 6 năm 1980, tại Thành phố Hồ Chí Minh; nơi cư trú: số B L, phường P, Thành phố Hồ Chí Minh (địa chỉ cũ là: số B L, Phường A, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh); nghề nghiệp: Môi giới nhà đất; trình độ học vấn: 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn C (đã chết) và bà Huỳnh Thị H (đã chết); có chồng và 01 con; tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân:

- Ngày 22/12/2023, Trưởng Công an Q, Thành phố Hồ Chí Minh ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 23/QĐ-XPHC về hành vi "Cố ý gây thương tích'', với số tiền phạt là 6.500.000 đồng (đã nộp phạt ngày 25/3/2024).

- Ngày 14/8/2024, Trưởng Công an Q, Thành phố Hồ Chí Minh ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 0012249/QĐ-XPHC về hành vi "Cố ý gây thương tích'', với số tiền phạt là 6.500.000 đồng (đã nộp phạt ngày 14/8/2024).

Bị cáo tại ngoại. (Có mặt).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1. Bà Nguyễn Thị Hoàng H1, sinh năm: 1981; nơi cư trú {Hộ khẩu thường trú: Số B L, Phường A, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là số B L, phường P, Thành phố Hồ Chí Minh); chỗ ở: Số B L, Phường A, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là số B L, phường P, Thành phố Hồ Chí Minh)}. (Có mặt).

2. Bà Phan Thị N, sinh năm: 1959; nơi cư trú: Số B L, Phường A, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là số B L, phường P, Thành phố Hồ Chí Minh). (Vắng mặt).

3. Bà Võ Thị H2, sinh năm: 1947; nơi cư trú: Số B L, Phường A, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là số B L, phường P, Thành phố Hồ Chí Minh). (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào đầu tháng 10 năm 2015 (không nhớ rõ ngày cụ thể), Lê Thị Bạch L cho bà Nguyễn Thị Hoàng H1 vay số tiền 2.000.000 đồng, với lãi suất 15%/tháng, mỗi ngày bà H1 đóng tiền lãi 10.000 đồng. Sau đó, bà H1 nhiều lần vay thêm tiền của L từ 1.000.000 đồng đến 2.000.000 đồng (nhưng không nhớ rõ cụ thể bao nhiêu lần, mỗi lần vay bao nhiêu tiền), với lãi suất 15%/tháng. Tính đến ngày 05/4/2023, bà H1 thiếu L tổng số tiền gốc 25.000.000 đồng. Từ ngày 06/4/2023, bà H1 trả tiền lãi mỗi ngày 70.000 đồng và thêm tiền tuần 300.000 đồng/1 tuần, tổng cộng bà H1 phải trả lãi cho L 3.300.000 đồng/tháng, tương đương lãi suất 13,2%/tháng. Bà H1 đóng tiền lãi đến ngày 05/11/2023 thì được L giảm tiền lãi và đóng mỗi ngày 50.000 đồng và đóng thêm tiền tuần 150.000 đồng, tổng cộng mỗi tháng bà H1 trả tiền lãi cho L số tiền 2.100.000 đồng/tháng, tương đương lãi suất 8,4%/tháng. Đến tháng 12/2023 (không nhớ rõ ngày), bà H1 mượn thêm L số tiền 1.000.000 đồng, nên số tiền nợ gốc là 26.000.000 đồng, mỗi ngày trả 50.000 đồng và thêm tiền tuần 150.000 đồng/tuần, tổng cộng bà H1 trả lãi cho L 2.100.000 đồng/tháng, tương đương lãi suất 8,4%/tháng. Đến ngày 10/01/2024, bà H1 tiếp tục mượn thêm L số tiền 500.000 đồng và số tiền nợ gốc tăng lên thành 26.500.000 đồng, mỗi ngày bà H1 trả tiền lãi 50.000 đồng và thêm tiền tuần 175.000 đồng/tuần, tổng cộng bà H1 trả tiền lãi mỗi tháng cho L là 2.200.000 đồng, tương đương với lãi suất 8,3%/tháng. L không nhớ bà H1 đã đóng tiền lãi từ đầu năm 2015 đến ngày 05/4/2023 tổng cộng bao nhiêu tiền (vì L cho bà H1 vay mượn nhiều lần). Việc L cho bà H1 vay tiền cũng như việc thu tiền lãi thì hai bên không có ghi chép vào sổ theo dõi). Số tiền bà H1 đã trả tiền lời cho L như sau: Từ ngày 01/10/2015 đến ngày 30/3/2023, tiền vay thấp nhất là 2.000.000 đồng, lãi suất 15%/tháng (180%/năm), đóng 10.000 đồng/ngày, tổng cộng 2670 ngày, tương đương với số tiền lời đã đóng là 26.700.000 đồng. Từ ngày 06/4/2023 đến ngày 05/11/2023, tổng số tiền vay bà H1 nợ L là 25.000.000 đồng, lãi suất 13,2%/tháng (158,4%/năm), đóng 110.000 đồng/ngày, tổng cộng 213 ngày, tương đương với số tiền lời đã đóng là 23.430.000 đồng. Từ ngày 06/11/2023 đến ngày 01/12/2023, tổng số tiền vay bà H1 còn nợ L là 25.000.000 đồng (tiền nợ gốc trước đó), lãi suất 8,4%/tháng (100,8%/năm), đóng 70.000 đồng/ngày, tổng cộng 25 ngày, tương đương với số tiền lời đã đóng là 1.750.000 đồng. Từ ngày 01/12/2023 đến ngày 10/01/2024, tổng số tiền gốc mà bà H1 vay của L là 26.000.000 đồng (có 25.000.000 đồng nợ gốc trước đó), lãi suất 8,1%/tháng (97%/năm), đóng 70.000 đồng/ngày, tổng cộng 40 ngày, tương đương với số tiền lời đã đóng là 2.800.000 đồng. Từ ngày 11/01/2024 đến ngày 04/3/2024, tổng số tiền vay bà H1 nợ L là 26.500.000 đồng (có 26.000.000 đồng nợ gốc trước đó), lãi suất 8,3%/tháng (99%/năm), đóng 73.300 đồng/ngày, tổng cộng 53 ngày, tương đương với số tiền lời đã đóng là 3.884.900 đồng. Tổng số tiền lãi L đã thu của bà H1 từ hoạt động cho vay, từ ngày 01/10/2015 đến ngày 04/3/2024 là

58.564.900 đồng (trong đó, tiền lãi hợp pháp theo quy định của pháp luật cho phép là 7.525.753 đồng và tiền lãi vượt quá quy định của pháp luật là 51.039.147 đồng). Tổng số tiền gốc bà H1 còn nợ L là 26.500.000 đồng.

Ngày 04/3/2024, bà H1 đến trước nhà L (số B đường L, Phường A, Quận H) nói với L việc bà H1 không thể trả nổi số tiền đã vay còn nợ L. Nghe vậy, L ở trong nhà chạy ra cự cãi với bà H1 rồi xảy ra cãi vã, xô xát, đánh nhau. Trong lúc đánh nhau, L dùng tay có đeo nhẫn đánh gây thương tích trên trán của bà H1.

Ngoài ra, Lê Thị Bạch L còn khai nhận việc L cho những người khác vay tiền như sau:

1/ Bà Phan Thị N vay của L số tiền 1.000.000 đồng vào ngày 01/3/2024, lãi suất 20%/tháng, hình thức trả góp mỗi ngày 40.000 đồng (gồm tiền gốc 33.334 đồng và tiền lãi 6.666 đồng) và trả trong 30 ngày, tổng số tiền vốn và lãi sẽ góp là 1.200.000 đồng, bà N đã trả được 20 ngày, vừa gốc, vừa lãi là 800.000 đồng {trong đó, tiền gốc là 666.680 đồng và tiền lãi là 133.320 đồng (gồm tiền lãi mà pháp luật cho phép là 11.066 đồng và tiền thu lợi bất chính là 122.254 đồng)} và còn nợ lại số tiền 400.000 đồng (trong đó có 333.320 đồng tiền gốc).

2/ Bà Võ Thị H2 vay của L số tiền 1.000.000 đồng vào ngày 15/02/2023, lãi suất 20%/tháng, hình thức trả góp mỗi ngày số tiền 50.000 đồng (gồm tiền gốc và tiền lãi), thời gian góp 24 ngày, tổng số tiền gốc và lãi sẽ góp là 1.200.000 đồng. Hiện bà H2 đã thanh toán đầy đủ cho L số tiền 1.200.000 đồng.

Tổng số tiền gốc mà Lê Thị Bạch L đã cho bà Nguyễn Thị Hoàng H1, bà Phan Thị N và bà Võ Thị H2 vay là 28.500.000 đồng và việc cho vay, cũng như việc trả tiền lãi, tiền góp giữa các bên chỉ trao đổi, giao kết với nhau bằng lời nói, không có ghi chép vào sổ sách. Tổng số tiền thu lợi bất chính thực tế L đã thu của bà H1 và bà N là 51.161.401 đồng (gồm: bà H1 là 51.039.147 đồng và bà N là 122.254 đồng).

Riêng bà Võ Thị H2 từ chối tiếp xúc, từ chối làm việc với Cơ quan điều tra và cơ quan tố tụng khác; nên chưa ghi nhận được lời khai cùng các tài liệu khác có liên quan. Vì vậy, Cơ quan điều tra không có cơ sở để làm rõ và xử lý trong cùng vụ án này.

Cơ quan Cảnh sát điều tra đã đăng thông báo tìm những người khác đã vay tiền của Lê Thị Bạch L, nhưng đến nay chưa có ai liên hệ làm việc.

Ngày 27/5/2024, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Q đã ra Quyết định khởi tố vụ án hình sự, Quyết định khởi tố bị can đối với Lê Thị Bạch L để điều tra về hành vi "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự". Tại Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Q, Lê Thị Bạch L khai nhận toàn bộ hành vi đã thực hiện như nêu trên.

Về trách nhiệm dân sự: Bà Nguyễn Thị Hoàng H1 và bà Phan Thị N có yêu cầu giải quyết theo quy định của pháp luật.

Đối với hành vi Lê Thị Bạch L dùng tay có đeo nhẫn đánh gây thương tích trên trán của bà H1, do vết thương này chỉ xây xát ngoài da, hiện vết thương đã lành; nên bà H1 từ chối giám định thương tích, không yêu cầu bồi thường và không yêu cầu truy cứu trách nhiệm hình sự đối với L. Ngày 22/12/2023 Công an Q ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính Lê Thị Bạch L về hành vi trên, với số tiền là 6.500.000 đồng và L đã thi hành xong.

Việc thu giữ, tạm giữ đồ vật, tài liệu và xử lý vật chứng:

- 01 (một) tấm ảnh màu là hình ảnh của bà Nguyễn Thị Hoàng H1 được chụp lại, lưu giữ vết trầy xước trên mặt và trên trán do bị Lê Thị Bạch L dùng tay có đeo nhẫn đánh vào mặt, trán (do bà H1 giao nộp và không có yêu cầu nhận lại).

- 01 (một) điện thoại hiệu Iphone Xs Max, màu vàng, số máy: MT6P2LL/A, số sê-ri: FFMXFFCLKPHM, số IMEI: 357264092472142, lắp thẻ sim số thuê bao: 0901636339 (tạm giữ của Lê Thị Bạch L).

- Số 45.820.000 đồng (là tiền thu lợi bất chính từ hoạt động cho vay của Lê Thị Bạch L và L đã tự nguyên giao nộp).

* Tại bản Cáo trạng số 281/CT-VKS-Q8 ngày 18/10/2024, Viện kiểm sát nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh truy tố bị cáo Lê Thị Bạch L về tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự" theo quy định tại khoản 1 Điều 201 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

* Tại phiên tòa, Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10 - Thành phố Hồ Chí Minh vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo Lê Thị Bạch L. Sau khi phân tích, đánh giá tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử như sau:

- Về trách nhiệm hình sự: Áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 201; các điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 36; Điều 50 của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), đề nghị xử phạt bị cáo Lê Thị Bạch L từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng cải tạo không giam giữ. Phạt bổ sung bị cáo Lê Thị Bạch L số tiền từ 50.000.000 đồng đến 70.000.000 đồng để nộp ngân sách nhà nước.

- Về xử lý vật chứng và tiền thu lợi bất chính, tiền dùng vào việc phạm tội:

+ Tịch thu nộp ngân sách Nhà nước số tiền 45.820.000 đồng mà bị cáo đã tự nguyện nộp từ tiền thu lợi bất chính.

+ Trả lại cho bị cáo L chiếc điện thoại di động đã thu giữ của bị cáo (do không có liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo).

- Về trách nhiệm dân sự: Xử lý theo quy định của pháp luật.

* Bị cáo Lê Thị Bạch L không có ý kiến tranh luận, bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội đã thực hiện và xin được giảm nhẹ hình phạt (vì bị cáo đã ăn năn hối cải).

* Bà Nguyễn Thị Hoàng H1 có yêu cầu Hội đồng xét xử giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật và không có ý kiến, yêu cầu gì thêm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, của Điều tra viên, của cơ quan Viện kiểm sát và của Kiểm sát viên: Trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo cũng như những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến, không có khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, của người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi tố tụng, các quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, của người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, bị cáo Lê Thị Bạch L đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội mà bị cáo đã thực hiện như nội dung bản Cáo trạng đã nêu. Cụ thể là bị cáo lan đã cho bà Nguyễn Thị Hoàng H1 và bà Phan Thị N vay tiền và thu tiền lãi vượt quá mức quy định cho phép của pháp luật (lãi suất gấp 05 lần trở lên của mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự là 20%/năm) và qua đó đã thu lợi bất chính với tổng số tiền lãi thực tế đã thu là 51.161.401 đồng (sau khi trừ ra số tiền lãi mà pháp luật cho phép) từ những người vay tiền của bị cáo là bà H1 và bà H2 như nêu trên).

Xét lời khai nhận của bị cáo Lê Thị Bạch L cơ bản phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có tại hồ sơ vụ án và phù hợp với nội dung Cáo trạng truy tố của Viện kiểm sát nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh.

Hành vi phạm tội phạm tội của bị cáo Lê Thị Bạch L đã thực hiện với lỗi cố ý, đã xâm phạm đến trật tự quản lý kinh tế và hành chính Nhà nước trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng, xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của người khác và số tiền thu lợi bất chính thực tế của bị cáo L thuộc trường hợp từ 30.000.000 đồng đến dưới 100.000.000 đồng.

Do đó, Hội đồng xét xử đã có đủ cơ sở để kết luận: Bị cáo Lê Thị Bạch L phạm tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự", tội phạm và hình phạt được quy định tại Khoản 1 Điều 201 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

[3] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo Lê Thị Bạch L: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); tuy nhiên, bản thân bị cáo là người có nhân thân (đã 02 lần bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi ''cố ý gây thương tích''); qua đó thể hiện ý thức chấp hành pháp luật của bị cáo kém. Vì vậy, Hội đồng xét xử cũng cần cân nhắc, lưu ý khi quyết định hình phạt đối với bị cáo cho tương xứng và phù hợp.

[4] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại Cơ quan Điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, cũng tỏ ra ăn năn hối cải về hành vi phạm tội đã thực hiện; sau khi phạm tội đã chủ động nộp lại một phần của số tiền dùng vào việc phạm tội và do phạm tội mà có để nhằm khắc phục trước một phần hậu của vụ án do bị cáo gây ra. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại các điểm: i, s Khoản 1 và Khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) để Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo mà lẽ ra bị cáo phải chịu.

[5] Ngoài ra, bị cáo Lê Thị Bạch L còn khai nhận việc bị cáo đã cho bà Võ Thị H2 vay số tiền 1.000.000 đồng, trả góp trong 24 ngày là 1.200.000 đồng (nhưng việc cho vay, trả góp không có ghi chép sổ sách, hai bên chỉ giao kết bằng lời nói) và bà H2 đã góp đủ số tiền này cho bị cáo. Phía bà H2 từ chối tiếp xúc, làm việc với cơ quan tố tụng, nên chưa ghi nhận được lời khai của bà H2 cùng các tài liệu liên quan. Do chưa thu thập được đầy đủ tài liệu, chứng cứ có liên quan; nên Cơ quan điều tra chưa có đầy đủ căn cứ pháp lý để xử lý đối với hành vi của bị cáo L trong cùng vụ án này. Đồng thời, bà H2 vắng mặt tại phiên tòa và do giới hạn của việc xét xử, nên Hội đồng xét xử không có đủ cơ sở pháp lý để xem xét, giải quyết trong cùng vụ án này.

[6] Xét thấy, tội phạm mà bị cáo thực hiện thuộc trường hợp ít nghiêm trọng và bị cáo có nơi cư trú rõ ràng; tuy nhiên, bị cáo là người có nhân thân và hành vi phạm tội của bị cáo cần phải xét xử nghiêm khắc, cần phải xử phạt bị cáo hình phạt cao nhất của khung hình phạt mà điều luật quy định mới có tác dụng giáo dục, răn đe bị cáo nói riêng và phòng ngừa tội phạm chung trong xã hội.

[7] Cáo trạng truy tố của Viện kiểm sát nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh và quan điểm luận tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa đối với bị cáo Lê Thị Bạch L là có cơ sở pháp luật, mức hình phạt mà Kiểm sát viên đề nghị phù hợp với tính chất, mức độ phạm tội và nhân thân của bị cáo như phân tích nêu trên của Hội đồng xét xử; nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Đối với ý kiến của bị cáo Lê Thị Bạch L về việc đề nghị được xử mức hình phạt nhẹ là có cơ sở pháp luật, như phân tích nêu trên của Hội đồng xét xử; nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[9] Về hình phạt bổ sung: Xét thấy bị cáo Lê Thị Bạch L phạm tội nhằm thu lợi bất chính, nên cần thiết phải áp dụng hình phạt bổ sung (phạt tiền) đối với bị cáo.

[10] Về trách nhiệm dân sự, vật chứng liên quan vụ án và số tiền thu lợi bất chính do phạm tội mà có cùng số tiền dùng vào việc phạm tội:

- 01 (một) điện thoại hiệu Iphone Xs Max, màu vàng, số máy: MT6P2LL/A, số sê-ri: FFMXFFCLKPHM, số IMEI: 357264092472142, lắp thẻ sim số thuê bao: 0901636339 (là tài sản của bị cáo L đã bị cơ quan Công an thu giữ): Bị cáo L không dùng làm phương tiện phạm tội, nên cần trả lại cho bị cáo.

- Số tiền thu lợi bất chính {tiền lãi trong mức cho phép của pháp luật mà bị cáo thu được của bà H1 (7.525.753 đồng) từ số tiền dùng vào việc phạm tội (tiền cho bà H1 vay), thu được của bà N (11.066 đồng) từ số tiền dùng vào việc phạm tội (tiền cho bà N vay)} và số tiền dùng vào việc phạm tội (tiền dùng cho vay: cho bà N vay 1.000.000 đồng, bà N đã trả 666.680), nên cần buộc bị cáo nộp lại để tịch thu nộp ngân sách Nhà nước (vì có giá trị sử dụng).

- Số tiền mà bị cáo L đã thu của người vay vượt mức quy định mà pháp luật cho phép thì cần buộc bị cáo phải trả lại cho người vay, gồm: Bà H1 là 51.039.147 đồng, bà N là 122.254 đồng.

- Riêng số tiền mà bị cáo L dùng vào việc phạm tội (số tiền vốn gốc cho bà H1 vay và bà H1 vẫn còn nợ lại bị cáo số tiền 26.500.000 đồng; cho bà N vay và bà N còn nợ lại bị cáo số tiền 333.320 đồng; nên cần buộc người vay (bà H1, bà N) nộp lại để tịch thu nộp vào ngân sách Nhà nước.

[11] Đối với hành vi của bị cáo Lê Thị Bạch L dùng tay có đeo nhẫn đánh gây thương tích trên trán của bà Nguyễn Thị Hoàng H1, do vết thương này chỉ xây xát ngoài da, hiện vết thương đã lành và bà H1 từ chối giám định thương tích, không yêu cầu bồi thường và không yêu cầu truy cứu trách nhiệm hình sự đối với bị cáo L. Ngày 22/12/2023, Công an Q ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với Lê Thị Bạch L về hành vi này, với số tiền phạt là 6.500.000 đồng, là phù hợp theo quy định của pháp luật.

[12] Về khấu trừ thu nhập: Miễn việc khấu trừ một phần thu nhập cho bị cáo (vì hiện tại hoàn cảnh kinh tế gia đình của bị cáo khó đảm bảo cho việc thi hành).

[13] Về án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào Khoản 1, Khoản 3 Điều 201; điểm i, điểm s Khoản 1 và Khoản 2 Điều 51; Điều 36; Điều 50 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017);

+ Xử phạt: Bị cáo Lê Thị Bạch L 02 (hai) năm cải tạo không giam giữ, về tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự". Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp có thẩm quyền nhận được quyết định thi hành án.

Giao bị cáo Lê Thị Bạch L cho Ủy ban nhân dân phường P, Thành phố H và giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ. Gia đình người bị kết án có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân xã, phường trong việc giám sát, giáo dục người bị kết án. Trong trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 100 Luật thi hành án hình sự.

+ Miễn việc khấu trừ một phần thu nhập để sung quỹ Nhà nước cho bị cáo Lê Thị Bạch L.

+ Phạt bổ sung bị cáo Lê Thị Bạch L số tiền 50.000.000 (năm mươi triệu) đồng để nộp vào ngân sách Nhà nước.

Thi hành tại cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

- Về vật chứng, số tiền dùng vào việc phạm tội và do phạm tội mà có, số tiền thu lợi bất chính do phạm tội mà có và trách nhiệm dân sự: Căn cứ vào Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 và Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); các Điều: 579, 357 và Khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 cùng Luật Thi hành án Dân sự;

+ Trả lại cho bị cáo Lê Thị Bạch L 01 (một) điện thoại hiệu Iphone Xs Max, màu vàng, số máy: MT6P2LL/A, số sê-ri: FFMXFFCLKPHM, số IMEI: 357264092472142, lắp thẻ sim số thuê bao: 0901636339.

+ Buộc bị cáo Lê Thị Bạch L nộp lại số tiền thu lợi bất chính do phạm tội mà có và tiền dùng vào việc phạm tội, tổng cộng là: 11.066 đồng + 7.525.753 đồng + 666.680 đồng = 8.203.499 đồng, để tịch thu nộp vào ngân sách Nhà nước;

+ Buộc bị cáo Lê Thị Bạch L phải hoàn trả lại số tiền lãi đã nhận vượt mức quy định cho phép của pháp luật cho:

1. Bà Nguyễn Thị Hoàng H1, với số tiền là 51.039.147 đồng.

2. Bà Phan Thị N, với số tiền là 122.254 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải hoàn trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều: 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

+ Buộc bà Nguyễn Thị Hoàng H1 nộp lại số tiền 26.500.000 đồng và bà Phan Thị N nộp lại số tiền 333.320 đồng, để tịch thu nộp ngân sách Nhà nước.

Thi hành tại cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

- Về án phí sơ thẩm: Căn cứ vào Điều 135, Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Buộc bị cáo Lê Thị Bạch L phải chịu án phí hình sự sơ thẩm, với số tiền là 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng).

Thi hành tại cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Tổng cộng số tiền mà bị cáo Lê Thị Bạch L phải thi hành trong vụ án này là 109.564.900 đồng. Bị cáo Lê Thị Bạch L được khấu trừ vào số tiền đã nộp trước là 45.820.000 đồng (theo Giấy nộp tiền lập ngày 16/8/2024 của Ngân hàng TMCP C1, chi nhánh H3 - TP .); nên bị cáo Lê Thị Bạch L còn phải nộp thêm số tiền là 63.744.900 đồng.

(Theo Biên bản giao - nhận tang tài vật lập ngày 12/12/2024, tại kho Chi cục Thi hành án dân sự Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh và theo Giấy nộp tiền lập ngày 16/8/2024 của Ngân hàng TMCP C1, chi nhánh H3 - TP .).

Thi hành tại cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Bị cáo có quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có mặt; có quyền kháng cáo đối với phần Bản án có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt; có quyền kháng cáo đối với phần Bản án có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày Bản án được tống đạt hoặc niêm yết hợp lệ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Trọng Trúc

Nơi nhận:
- TAND TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- PV06 CA TP.HCM;
- Sở Tư pháp TP.HCM;
- VKSND KV10- TP.HCM;
- Phòng THADSKV10-TP.HCM;
- CQCSĐT CA TP.HCM;
- CQTHAHS CA TP.HCM;
- Trại tạm giam Chí Hòa - CA TP.HCM;
- Bị cáo và người tham gia tố tụng khác;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.